

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

Về việc ban hành Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ
và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao và triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019, Bộ Nội vụ đã chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ, ngành, địa phương) xây dựng Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được hoàn chỉnh, Bộ Nội vụ xin báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” và các chủ trương của Đảng về doanh nghiệp nhà nước, chúng ta đã đạt nhiều kết quả tích cực. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã được thu gọn hơn, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt. Cơ chế hoạt động của doanh nghiệp đã có bước đổi mới. Hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh được nâng lên. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường ... Tuy nhiên, vai trò của doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp của nhiều doanh nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư; cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhà nước chậm được đổi mới, kém hiệu quả; trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp nhà nước chưa rõ ràng; công tác cán bộ, chính sách tiền lương còn bất cập.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên của doanh nghiệp nhà nước do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan. Một trong những nguyên nhân đó là công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế. Một bộ

phần nhỏ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước yếu kém về năng lực điều hành, suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí. Do vậy, Chính phủ đã ban hành một số nghị định về công tác quản lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, như:

- Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (viết tắt là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP);

- Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (viết tắt là Nghị định số 106/2015/NĐ-CP).

Nghị định số 97/2015/NĐ-CP và Nghị định số 106/2015/NĐ-CP đã từng bước củng cố cơ sở pháp lý để quản lý tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt, công tác cán bộ tại doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần đã được các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đồng tình và được áp dụng thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay trong quá trình thực hiện cho thấy một số quy định còn có nội dung chưa phù hợp với quy định mới của Đảng, Nhà nước và thực tiễn, vì vậy cần nghiên cứu điều chỉnh.

Nay thực hiện nhiệm vụ: “Quy định việc tách người quản lý doanh nghiệp nhà nước khỏi chế độ viên chức, công chức. Triển khai cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch đối với tất cả các chức danh quản lý, điều hành trong doanh nghiệp. Hoàn thiện và thực hiện cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong doanh nghiệp do mình quản lý, phụ trách” được nêu trong Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; để cụ thể các nội dung quản lý cán bộ tại Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị; để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Căn cứ ban hành Nghị định

Việc ban hành Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được căn cứ vào:

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015;
- Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

II. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Xây dựng Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Kế thừa các quy định của pháp luật có liên quan trước đây; sửa đổi, bổ sung những nội dung mới và bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

2. Bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định của Đảng, của pháp luật về công tác cán bộ.

3. Bảo đảm doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và nhu cầu của quốc phòng, an ninh.

III. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai các hoạt động xây dựng Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định), cụ thể như sau:

1. Tổ chức rà soát các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến phân cấp thẩm quyền quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kết hợp với nghiên cứu chủ trương, đường lối và quy định của Đảng về công tác cán bộ.

2. Tổ chức khảo sát ở một số Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định cho phù hợp với thực tiễn.

3. Tổ chức các cuộc họp, hội thảo với sự tham gia của lãnh đạo, chuyên viên trực tiếp làm công tác tổ chức cán bộ ở các Bộ, ngành, địa phương, các ban Trung ương của Đảng, các doanh nghiệp, nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý để thảo luận về các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định.

4. Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân trên Trang thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

5. Lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương (có Bản tổng hợp ý kiến kèm theo).

6. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

7. Lấy ý kiến thẩm định và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 10 chương và 75 điều, cụ thể như sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1).
2. Đối tượng áp dụng (Điều 2).
3. Giải thích từ ngữ (Điều 3).
4. Nguyên tắc tổ chức các cuộc họp, hội nghị (Điều 4).

Chương II: THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ KIÊM NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Điều 5).
2. Thẩm quyền của Bộ, UBND cấp tỉnh (Điều 6).
3. Kiêm nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 7).

Chương III: ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HÀNG NĂM ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Xếp loại chất lượng (Điều 8).
2. Trách nhiệm đánh giá, xếp loại chất lượng (Điều 9).
3. Thời điểm đánh giá (Điều 10).
4. Căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng (Điều 11).
5. Nội dung đánh giá (Điều 12).
6. Trình tự, thủ tục đánh giá (Điều 13).
7. Tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Điều 14).
8. Tiêu chí đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (Điều 15).
9. Tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ (Điều 16).
10. Tiêu chí đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ (Điều 17).

Chương IV: QUY HOẠCH ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1: NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI THỰC HIỆN QUY TRÌNH QUY HOẠCH

1. Nguyên tắc, điều kiện thực hiện quy hoạch (Điều 18).
2. Chuẩn bị trước khi thực hiện quy trình quy hoạch (Điều 19).

Mục 2: CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH QUY HOẠCH

1. Phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (Điều 20).
2. Tổ chức hội nghị giới thiệu nguồn quy hoạch (Điều 21).
3. Tổ chức lấy ý kiến cấp ủy cung cấp (Điều 22).
4. Quyết định quy hoạch (Điều 23).
5. Định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch (Điều 24).
6. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch (Điều 25).
7. Hồ sơ quy hoạch (Điều 26)

Chương V: BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Mục 1: BỔ NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Đề xuất chủ trương (Điều 27).
2. Điều kiện bổ nhiệm (Điều 28).
3. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ (Điều 29).
4. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác (Điều 30).
5. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Điều 31).
6. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm nhân sự trong trường hợp doanh nghiệp được thành lập mới hoặc do sáp nhập, chia tách, chuyển đổi mô hình tổ chức (Điều 32).
7. Thời hạn giữ chức vụ (Điều 33).
8. Hồ sơ bổ nhiệm (Điều 34).

Mục 2: BỔ NHIỆM LẠI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Điều kiện người quản lý doanh nghiệp được xem xét bổ nhiệm lại (Điều 35).
2. Thời hạn và thời điểm bổ nhiệm lại (Điều 36).
3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại (Điều 37).
4. Kéo dài thời gian giữ chức vụ (Điều 38).
5. Hồ sơ bổ nhiệm lại (Điều 39).

Chương VI: CỬ, CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1: CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Điều kiện cử người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 40)

2. Thời hạn và thời điểm cử người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 41).
3. Quy trình cử người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 42).
4. Hồ sơ cử người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 43).

Mục 2: CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Điều kiện cử lại người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 44).
2. Thời hạn và thời điểm cử lại người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 45).
3. Quy trình cử lại người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 46).
4. Hồ sơ cử lại người đại diện phần vốn nhà nước (Điều 47).

Chương VII: TỪ CHỨC, CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, CHO THÔI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Căn cứ xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, miễn nhiệm (Điều 48).
2. Quy trình xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm (Điều 49).
3. Hồ sơ xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, miễn nhiệm (Điều 50).
4. Khiếu nại (Điều 51).
5. Bố trí công tác (52).

Chương VIII: KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Khen thưởng (Điều 53).
2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật (Điều 54).
3. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật (Điều 55).
4. Hình thức kỷ luật (Điều 56).
5. Các trường hợp chưa xem xét kỷ luật và miễn trách nhiệm kỷ luật (Điều 57).
6. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách (Điều 58).
7. Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo (Điều 59).
8. Áp dụng hình thức kỷ luật cách chức (Điều 60).
9. Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc (Điều 61).
10. Trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật (Điều 62).
11. Thông báo xem xét xử lý kỷ luật (Điều 63).
12. Thành lập Hội đồng kỷ luật (Điều 64).
13. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật (Điều 65).

14. Hợp Hội đồng kỷ luật (Điều 66).

15. Quyết định kỷ luật (Điều 67).

16. Các trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật và tổ chức họp kiểm điểm người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật (Điều 68).

17. Khiếu nại (Điều 69).

18. Hồ sơ kỷ luật (Điều 70).

19. Trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của người quản lý doanh nghiệp (Điều 71).

Chương IX: THỦ TỤC NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

1. Xác định thời điểm nghỉ hưu (Điều 72).

2. Thông báo và quyết định nghỉ hưu (Điều 73).

Chương X: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu lực thi hành (Điều 74).

2. Trách nhiệm thi hành (Điều 75).

V. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP VÀ NỘI DUNG CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU CẦN XIN Ý KIẾN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Nội dung giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

.....
.....
.....

2. Những nội dung còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

.....
.....
.....

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, Vụ CCVC (05 bản).

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân